

TRƯỜNG THPT SỐ 1 NGÔ GIA TỰ
TỔ NGŨ VĂN

(Đề có 01 trang)

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN NGŨ VĂN, KHỐI 10

Thời gian làm bài: 90 phút, (không kể phát đề)

Họ tên học sinh:..... SBD..... Lớp..... Phòng.....

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THU VỊNH(1)

(Nguyễn Khuyến)

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc(2) lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.

Mấy chùm trước giậu(3) hoa năm ngoái(4),
Một tiếng trên không ngỗng nước nào(5)?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào(6).

(Thơ Nguyễn Khuyến, NXB Văn học, 2016, tr.17)

Chú thích:

(1) Thu vịnh: mùa thu làm thơ

(2) Cần trúc: cây trúc thanh mảnh giống như cần câu nên gọi là cần trúc.

(3) Giậu: hàng rào

(4) Hoa năm ngoái: hoa giống như hoa năm ngoái. Có người cho rằng câu này Nguyễn Khuyến lấy từ câu thơ: “Xuân lai hoàn phát cựu thời hoa” (Xuân về lại nở những bông hoa thời trước) trong bài “Sơn phòng xuân sự” của Sầm Tham.

(5) Ngỗng nước nào: loại ngỗng trời không biết ở xứ nào, thường bay từng đàn từ các vùng lạnh đến các vùng khí hậu ấm áp để tránh rét.

(6) Ông Đào: ở đây chỉ Đào Uyên Minh, còn gọi là Đào Tiềm (365-427), một nhà thơ nổi tiếng ở Trung Quốc thời Lục Triều. Ông đỗ tiến sĩ, ra làm quan, rồi chán ghét cảnh quan trường thối nát đã treo ấn từ quan, lui về ẩn dật (năm 405). Ông là tác giả của bài thơ “Quy khứ lai từ” (Về đi thôi!) rất nổi tiếng.

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5

Câu 1 (0.5 điểm): Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (0.5 điểm): Chỉ ra ít nhất hai hình ảnh thiên nhiên tiêu biểu xuất hiện trong bốn câu thơ đầu của bài thơ trên.

Câu 3 (1.0 điểm): Bức tranh mùa thu trong bài thơ mang gam màu chủ đạo nào? Gam màu ấy gợi cảm xúc gì?

Câu 4 (1.0 điểm): Tìm và phân tích tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

“Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.”

Câu 5 (1,0 điểm): Theo em, bài thơ “Thu vịnh” của Nguyễn Khuyến có còn ý nghĩa với học sinh ngày nay không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ, ±100 chữ) về ý nghĩa của việc biết kiềm chế cơn tức giận của bản thân.

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ, ±200 chữ) Phân tích và cảm nhận bốn câu thơ đầu trong bài thơ “Thu vịnh” của Nguyễn Khuyến.

----- Hết -----

Học sinh không sử dụng tài liệu, giám thị không giải thích gì thêm

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- 1. Giám khảo nắm vững các yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm.
- 2. Giám khảo nên chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết sáng tạo, có cảm xúc trên cơ sở đáp ứng ý cơ bản.
- 3. Bài làm của học sinh phải đảm bảo đúng yêu cầu, diễn đạt có chất văn chương, ít mắc lỗi dùng từ, chính tả, ngữ pháp, dẫn chứng tiêu biểu

B. HƯỚNG DẪN CHẤM CỤ THỂ

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật Hướng dẫn chấm: - Trả lời được như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0,5
	2	Những hình ảnh thiên nhiên tiêu biểu xuất hiện trong bốn câu thơ đầu: trời thu, nước biếc (nước thu), trắng (trắng thu), gió (gió thu), Hướng dẫn chấm: - Trả lời ít nhất hai hình ảnh tiêu biểu như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời 01 hình ảnh: 0,25 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0,5
	3	- Ý1: Gam màu chủ đạo trong bài thơ “Thu vịnh” là màu xanh. Đó là xanh ngắt của trời thu hòa cùng xanh trong, tĩnh lặng của không gian làng quê. Màu xanh không rực rỡ mà trong, sâu, dịu tạo nên bức tranh thu thanh sơ, êm đềm, vắng lặng. - Ý2: Gọi sự yên tĩnh, trầm lắng, tịch mịch của cảnh thu. Đồng thời bộc lộ nỗi buồn, nỗi cô đơn kín đáo và tâm trạng u hoài, lặng lẽ của nhà thơ trước cảnh đời và thời thế. Hướng dẫn chấm: - Ý1: Trả lời được như phần chữ in đậm: 0,5 điểm - Ý2: Có thể tách ra thành hai ý nhỏ (cảm xúc về cảnh thu và về tâm sự nhà thơ). Trả lời đúng một ý: 0,25 điểm HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.	1,0
	4	Hs có thể tìm ra và phân tích một trong bốn biện pháp tu từ sau: 1) So sánh: “nước biếc” với “tầng khói phủ” giúp cảnh thu hiện lên vừa thực vừa mộng, giàu chất gợi, đồng thời bộc lộ tình tế tình cảm, tâm hồn thanh cao và nỗi niềm sâu kín của tác giả. 2) Nhân hóa: Song thưa để mặc bóng trắng vào. Từ “để mặc” khiến “song thưa” cũng như có hồn, có thái độ, tình cảm như con người. Từ đó cảnh vật trở nên gần gũi, có hồn, không còn ngăn cách với con người. Qua đó thể hiện tâm thế ung dung, trầm lắng, hòa mình vào thiên nhiên của nhà thơ. 3) Ẩn dụ: + “tầng khói phủ” không chỉ là sương khói thực mà còn là ẩn dụ cho sự mờ nhòa, băng lạnh của cảnh và tâm trạng.	1,0

		+ “<i>bóng trắng</i>” vừa là bóng trăng thực vừa gợi vẻ đẹp thanh khiết, cao nhã, biểu tượng cho đời sống tinh thần trong sạch của nhà thơ. => Tác dụng: Làm tăng chiều sâu ý nghĩa của hình ảnh thơ. Giúp cảnh thu mang vẻ đẹp thanh cao, thoát tục, đồng thời kín đáo bộc lộ nỗi cô đơn, u hoài của tác giả. 4) Phép đối: “<i>nước biếc</i>”-“<i>song thưa</i>” “<i>tầng khói phủ</i>”-“<i>bóng trăng vào</i>” => Tác dụng: Làm nổi bật vẻ đẹp hài hòa, cân xứng của bức tranh thu.Tăng tính tạo hình, nhạc điệu cổ điển cho câu thơ Đường luật. Qua đó khắc họa không gian thu tĩnh lặng, mơ hồ mà thanh khiết cùng với tâm trạng trầm lắng, cô đơn, lặng lẽ của Nguyễn Khuyến. Hướng dẫn chấm: - Hs tìm và nêu một BPTT và tác dụng như đáp án: 1,0 điểm - Hs chỉ gọi tên BPTT mà không chỉ ra được từ hoặc cụm từ chứa BPTT trong hai câu thơ nhưng nêu được tác dụng của BPTT: 0,75 điểm - HS chỉ gọi tên BPTT và trình bày tác dụng chung chung : 0,5 điểm - HS chỉ gọi tên BPTT: 0,25 điểm	
	5	Hs có thể có nhiều câu trả lời khác nhau miễn là phù hợp với câu hỏi. Gợi ý một số ý nghĩa sau: - Học cách quan sát tinh tế vẻ đẹp quanh mình; Nuôi dưỡng tình yêu thiên nhiên, gắn bó với quê hương, làng xóm. - Biết dừng lại để lắng nghe, suy ngẫm; Biết trân trọng mọi khoảnh khắc bình yên trong cuộc sống; - Hiểu rằng sống có trách không chỉ là hành động mà còn là nỗi trăn trở, ý thức về xã hội; Phải biết giữ gìn khí tiết, phẩm giá dù trong bất kì hoàn cảnh khó khăn nào. - Thêm yêu vẻ đẹp của Tiếng Việt, của thể thơ Đường luật từ đó có ý thức gìn giữ di sản văn hóa của dân tộc. Hướng dẫn chấm: - HS trình bày cảm nhận của cá nhân ngắn gọn tinh tế, sâu sắc: 1,0 điểm - HS trình bày cảm nhận của cá nhân ngắn gọn nhưng chưa tinh tế, sâu sắc: 0,75 điểm - HS trình bày cảm nhận của cá nhân chung chung: 0,5 điểm - HS trình bày cảm nhận của cá nhân sơ sài: 0,25 điểm	1,0
II		LÀM VĂN	6,0
	1	Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ, ±100 chữ) cho biết suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc biết kiềm chế cơn tức giận của bản thân. a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Ý nghĩa của việc biết kiềm chế cơn tức giận của bản thân. c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:	2,0 0,25 0,25

		Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Giải thích: Tức giận là những cảm xúc tiêu cực được hình thành khi con người bị xúc phạm, lừa dối, thất bại,...Đây là cảm xúc quen thuộc trong thế giới tình cảm của con người. Ai cũng đã từng tức giận nhưng đứng trước cơn tức giận bùng phát thì mỗi người lại có cách xử sự khác nhau. (0,25 điểm) - Ý nghĩa (hay vai trò, giá trị, tác dụng) của việc kiềm chế cơn tức giận: (0,5 điểm) + Giúp mỗi người giữ được sự bình tĩnh, tỉnh táo trong suy nghĩ và hành động. Từ đó tránh được những lời nói hay việc làm bốc đồng có thể gây tổn thương cho người khác hoặc cho chính bản thân mình. + Góp phần xây dựng, gìn giữ các mối quan hệ tốt đẹp trong gia đình, nhà trường và xã hội, bởi sự nóng nảy thường là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, xung đột. + Khi làm chủ cảm xúc, con người sẽ sống tích cực, lạc quan hơn, giảm áp lực tâm lí, nâng cao hiệu quả học tập và công việc. => Tóm lại: Tức giận là bản năng, kiềm chế là bản lĩnh. Kiềm chế cơn tức giận không chỉ giúp con người hoàn thiện nhân cách mà còn góp phần tạo nên một môi trường sống văn minh, nhân ái. - Bài học nhận thức và hành động (0,25 điểm) <i>Hướng dẫn chấm:</i> - HS diễn đạt rõ ràng, đủ ý, lời văn gãy gọn, hợp chuẩn mực, không sai lỗi chính tả: 1,0 điểm - HS diễn đạt rõ ràng nhưng chưa đủ ý, mắc vài lỗi chính tả: 0,5 - 0,75 điểm) - HS trả diễn đạt lan man, thiếu trọng tâm, mắc nhiều lỗi chính tả: 0,25 - 0,5 điểm	1,0
		d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt và phép liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0,25
	2	Phân tích và cảm nhận bốn câu thơ đầu trong bài thơ “Thu vịnh” của Nguyễn Khuyến.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận VH (600±200 chữ)	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Phân tích và cảm nhận bốn câu thơ đầu bài thơ “Thu vịnh” của Nguyễn Khuyến.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, cần vận dụng kết hợp các thao tác lập luận, phối hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng; bảo đảm các yêu cầu sau:	

	Phần nội dung phân tích và cảm nhận về bốn câu thơ đầu trong bài thơ “Thu vịnh” của Nguyễn Khuyến 1. Mở bài (0,25 điểm) Nguyễn Khuyến: nhà thơ lớn của văn học trung đại Việt Nam, tiêu biểu cho thơ Nôm Đường luật, đặc biệt thành công ở chùm thơ thu (3 bài). “Thu vịnh” – một trong ba bài thơ thu nổi tiếng của ông. Bốn câu thơ đầu đã khắc họa bức tranh mùa thu làng quê Bắc Bộ vừa trong trẻo, tĩnh lặng, vừa thấm đượm tâm trạng của nhà thơ. 2. Thân bài 2.1. Bức tranh thu từ không gian cao rộng (0,75 điểm) <i>“Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao</i> <i>Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu”:</i> Bầu trời thu cao, trong, khoáng đạt. Cảnh vật thưa thớt, gió nhẹ → gợi vẻ hiu quạnh. → Cảnh thu đẹp nhưng man mác buồn. 2.2. Không gian thu trầm tĩnh, sâu lắng (0,75 điểm) <i>“Nước biếc trông như tầng khói phủ</i> <i>Song thưa để mặc bóng trăng vào”</i> Mặt nước trong xanh, mờ ảo; không gian tĩnh lặng, thanh sơ. → Vẻ thu yên ả, sâu lắng. 2.3. Tâm trạng và nghệ thuật gửi gắm qua cảnh thu (0,5 điểm) Đằng sau cảnh thu đẹp là: Nỗi cô đơn, trầm tư, bất lực trước thực tại xã hội của Nguyễn Khuyến khi đã cáo quan về ở ẩn; Thiên nhiên trở thành nơi giải bày tâm sự kín đáo của nhà thơ. Ngôn ngữ trong sáng, hình ảnh chọn lọc, bút pháp cổ điển nhưng đậm hồn quê Việt 3. Kết bài (0,25 điểm) Bức tranh thu tinh tế, giàu cảm xúc. Thể hiện tài năng và tâm hồn thanh cao của Nguyễn Khuyến. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Học sinh diễn đạt đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm. - Học sinh diễn đạt đầy đủ nhưng chưa sâu sắc: 1,5 - 2,0 điểm. - Học sinh diễn đạt chung chung, chưa rõ các luận điểm: 0,5 – 0,75 điểm. - Học sinh diễn đạt sơ sài, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm	2,5
--	--	-----

	Lưu ý: HS có thể có nhiều cảm nhận khác nhưng phải phù hợp với nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ.	
	d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt và liên kết văn bản.	0,25
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

.....Hết.....